

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 6 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1968; Cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh Ln, sinh năm 1964; Cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Huỳnh Thanh L chung sống với nhau vào năm 1986, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau ngày 06/9/2005. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2002-2003 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn ai quan tâm đến ai, tình cảm không còn gắn bó yêu thương. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có hai con chung tên Huỳnh Kiều D, sinh năm 1986 và Huỳnh Quốc T, sinh năm 1988. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với ông Huỳnh Thanh L:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L biết về yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông L không có yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Huỳnh Thanh L đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông L chung sống vào năm 1986, đến năm 2005 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, bà T xác định do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, không có khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Ông L không đồng ý ly hôn nhưng không có động thái yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ tiếp tục chung sống nên đủ căn cứ xác định rằng ông không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà T.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà T được ly hôn với ông L là phù hợp.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà T yêu cầu được tự thỏa thuận, ông L không có ý kiến hay yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về các vấn đề khác: Bà T xác định không có, ông L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Huỳnh Thanh Ln.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Tn phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012095 ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã TT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Trúc